

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1882/2010/QĐ-UBND

Tuy Hòa, ngày 18 tháng 11 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH
Về việc quy định đơn giá thuê đất áp dụng trên địa bàn tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 120/2005/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 141/2007/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2007 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 120/2005/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 1963/STC-CSVG ngày 05 tháng 11 năm 2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đơn giá thuê đất áp dụng trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Căn cứ vào đơn giá thuê đất quy định tại Điều 1 của Quyết định này:

- Giám đốc Sở Tài chính quyết định đơn giá thuê đất cho từng dự án cụ thể đối với trường hợp tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuê đất.

- Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố quyết định đơn giá thuê đất cho từng dự án cụ thể đối với hộ gia đình, cá nhân thuê đất.

Giao trách nhiệm Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh và các cơ quan liên quan hướng dẫn, kiểm tra trong việc thực hiện theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này;

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký; Quyết định này bãi bỏ các văn bản sau: Quyết định 1001/QĐ-UBND ngày 29/6/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên về việc Quy định đơn giá thuê đất áp dụng trên địa bàn tỉnh và Quy định đơn giá thuê đất áp dụng trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Đình Cự

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Đơn giá thuê đất áp dụng trên địa bàn tỉnh
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1882/2010/QĐ-UBND
ngày 18 tháng 11 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

I. Đối với nhóm đất nông nghiệp

Đơn giá thuê đất một năm tính bằng 0,5% giá đất theo mục đích sử dụng đất thuê, do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định tại Nghị định 188/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ và được công bố có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 hàng năm.

II. Đối với đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp

Đơn giá thuê đất một năm tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giá đất theo mục đích sử dụng đất. Cụ thể:

1. Đất tại các phường thuộc thành phố Tuy Hòa: đơn giá thuê đất một năm tính bằng 2% giá đất theo mục đích sử dụng đất.

2. Đất tại các xã thuộc thành phố Tuy Hòa (trừ đất ven trục đường giao thông chính quốc lộ, tỉnh lộ): đơn giá thuê đất một năm tính bằng 1,5% giá đất theo mục đích sử dụng đất.

3. Đất ven trục đường giao thông chính: quốc lộ, tỉnh lộ (trừ các xã miền núi): đơn giá thuê đất một năm tính bằng 2% giá đất theo mục đích sử dụng đất.

4. Đất tại thị trấn Phú Hòa, thị trấn Hòa Vinh: đơn giá thuê đất một năm tính bằng 1,7% giá đất theo mục đích sử dụng đất.

5. Đất tại thị trấn La Hai (huyện Đồng Xuân), thị trấn Củng Sơn (huyện Sơn Hòa), thị trấn Hai Riêng (huyện Sông Hinh): đơn giá thuê đất một năm tính bằng 1,5% giá đất theo mục đích sử dụng đất.

6. Đất tại các phường thuộc thị xã Sông Cầu, thị trấn Chí Thạnh (huyện Tuy An): đơn giá thuê đất một năm tính bằng 2% giá đất theo mục đích sử dụng đất.

7. Đất tại các xã đồng bằng (trừ đất ven trục đường giao thông chính quốc lộ, tỉnh lộ): đơn giá thuê đất một năm tính bằng 1,5% giá đất theo mục đích sử dụng đất.

8. Đất tại các xã miền núi (trừ các xã đặc biệt khó khăn): đơn giá thuê đất một năm tính bằng 1,0% giá đất theo mục đích sử dụng đất.

9. Đất tại các xã đặc biệt khó khăn, các xã bãi ngang: đơn giá thuê đất một năm tính bằng 0,45% giá đất theo mục đích sử dụng đất.

III. Đối với các dự án thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư, lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư theo quy định

Đơn giá thuê đất một năm tính bằng 0,45% giá đất theo mục đích sử dụng đất thuê.

Đối với đơn giá thuê đất một năm tại các khu công nghiệp và điểm công nghiệp trong tỉnh tính bằng 0,45% giá đất theo mục đích sử dụng thuê đất.

IV. Xử lý một số trường hợp vướng mắc phát sinh

Trong quá trình thực hiện, nếu có gì vướng mắc, phát sinh thì các cấp, các ngành kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo và đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Đình Cự